

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 5 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

BÀI 2 (III+IV): KINH TẾ CHÍNH TRỊ VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TBCN VÀ
VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 58, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
01	Trần Nguyệt Anh	1	17	7,5	Bảy rưỡi	
02	Nguyễn Thanh Bình	2	21	7,5	Bảy rưỡi	
03	Lê Thị Kiều Chinh	4	06	7,5	Bảy rưỡi	
04	Nguyễn Quốc Chung	5	-	-	-	Vắng thi
05	Hoàng Văn Dũng	6	56	7,5	Bảy rưỡi	
06	Nguyễn Mạnh Dũng	7	42	7,0	Bảy	
07	Nguyễn Khắc Dũng	8	51	7,5	Bảy rưỡi	
08	Dương Thị Diễm	9	01	7,5	Bảy rưỡi	
09	Phạm Năng Diễm	10	41	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Hữu Đồng	11	28	7,5	Bảy rưỡi	
11	Đinh Thị Dương	12	19	7,5	Bảy rưỡi	
12	Bùi Trường Giang	13	44	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Hoàng Hà	15	43	7,0	Bảy	
14	Lê Thị Lệ Hải	16	30	8,0	Tám	
15	Nguyễn Thị Hạnh	17	27	7,5	Bảy rưỡi	
16	Ma Văn Hào	18	31	7,0	Bảy	
17	Hà Trung Hiếu	19	29	7,5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Tuấn Hiếu	20	38	7,5	Bảy rưỡi	
19	Lương Thị Hoa	21	03	7,5	Bảy rưỡi	
20	Đỗ Thị Hoa	22	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Vũ Thị Hồng Huế	23	35	7,5	Bảy rưỡi	
22	Vũ Bảo Hùng	24	37	7,0	Bảy	
23	Trần Đức Hưng	25	08	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Diệp Thị Hương	26	32	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Đình Huy	27	26	7,5	Bảy rưỡi	
26	Phạm Xuân Huy	28	63	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị Lệ Huyền	29	50	7,5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Huyền	30	24	7,5	Bảy rưỡi	
29	Trần Thị Khánh	31	23	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Khiêm	32	33	7,0	Bảy	
31	Phạm Đình Kiên	33	48	7,5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Ngọc Lê	34	49	7,5	Bảy rưỡi	
33	Trịnh Thị Liên	35	-	-	-	Vắng thi
34	Phạm Thị Tuấn Linh	36	64	8,0	Tám	
35	Nguyễn Thị Giang Linh	37	55	7,5	Bảy rưỡi	
36	Dương Trường Long	38	22	6,5	Sáu rưỡi	
37	Lưu Thị Lượng	39	10	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Hương Ly	40	67	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Tiến Mạnh	41	60	7,5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Minh	42	40	8,0	Tám	
41	Vũ Ngọc Minh	43	16	7,5	Bảy rưỡi	
42	Phạm Quang Nam	44	14	7,5	Bảy rưỡi	
43	Trương Thị Năm	45	52	7,5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Hằng Nga	46	61	7,5	Bảy rưỡi	
45	Đỗ Thị Ngân	47	34	8,0	Tám	
46	Ngô Thị Minh Nguyệt	48	69	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Ngọc Nhâm	49	58	7,5	Bảy rưỡi	
48	Chu Hồng Nhung	50	54	7,5	Bảy rưỡi	
49	Dương Ngọc Oanh	51	11	8,0	Tám	
50	Ngô Thu Phương	52	05	6,5	Sáu rưỡi	
51	Hồ Tố Quyên	54	65	7,5	Bảy rưỡi	
52	Dương Thị Quyên	55	-	-	-	Vắng thi
53	Ngô Thanh Sơn	56	66	7,5	Bảy rưỡi	
54	Lâm Văn Sơn	57	59	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Thị Tâm	58	68	7,5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Thị Minh Tâm	59	62	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Đức Thành	60	09	7,0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Thu Thảo	61	25	7,5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Phương Thảo	62	46	7,0	Bảy	
60	Nguyễn Viết Thiện	63	57	7,0	Bảy	
61	Nguyễn Thị Thùy	64	12	7,5	Bảy rưỡi	
62	Ma Văn Thủy	65	39	7,0	Bảy	
63	Nguyễn Minh Thủy	66	-	-	-	Vắng thi
64	Nguyễn Thị Thụy	67	02	7,5	Bảy rưỡi	
65	Lê Xuân Tình	68	07	7,5	Bảy rưỡi	
66	Lê Thị Huyền Trang	69	53	7,5	Bảy rưỡi	
67	Ngô Thị Thu Trang	70	70	7,0	Bảy	
68	Nguyễn Ngọc Trung	71	47	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Văn Trung	72	15	7,5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Thị Tú	73	13	7,0	Bảy	
71	Tạ Thị Hải Vân	74	18	7,0	Bảy	
72	Nguyễn Văn Vũ	75	45	6,5	Sáu rưỡi	
73	Lưu Thị Yến	76	04	7,0	Bảy	
74	Nguyễn Thị Hải Yến	77	36	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên